

Số:            /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày    tháng    năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
“Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh mở  
rộng” tại xã Liên Minh và xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng” họp ngày 17 tháng 01 năm 2022;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 32/CV-BMMR ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng” thực hiện tại xã Liên Minh và xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Nam Định;
- Sở TN&MT tỉnh Nam Định;
- BQL các KCN tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (03), L(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẢO MINH MỞ RỘNG”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

### 1. Thông tin về Dự án:

#### 1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng.
- Địa điểm thực hiện: xã Liên Minh và xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh.
- Địa chỉ liên hệ: Lô L1, đường D1, Khu công nghiệp Bảo Minh, Km10, Quốc lộ 10, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

#### 1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng trên diện tích 44,682 ha.

- Các hạng mục công trình chính: (1) Giải phóng mặt bằng; (2) san nền; (3) hệ thống giao thông; (4) hệ thống thu gom, thoát nước mưa; (5) hệ thống thu gom, thoát nước thải; (6) hệ thống cấp điện, chiếu sáng; (7) hệ thống cấp nước; (8) hệ thống thông tin liên lạc; (9) cây xanh; (10) hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; (11) hồ sự cố có dung tích 6.000 m<sup>3</sup>.

- Nội dung được phê duyệt không bao gồm các hạng mục: (1) khai thác nước mặt, nước ngầm; (2) xây dựng hệ thống xử lý nước cấp và đường ống cấp nước ngoài phạm vi Khu công nghiệp; (3) khai thác và vận chuyển vật liệu san nền.

#### 1.3. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp:

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất đồ uống	C11

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
3	Dệt (không có công đoạn nhuộm): Sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; sản xuất hàng dệt khác; sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	C1311, C1312, C1313, C1391, C1399
4	Sản xuất trang phục	C14
5	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	C16
6	In ấn và các dịch vụ liên quan đến in	C181
7	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C21
8	Sản xuất các sản phẩm chịu lửa; sản xuất vật liệu từ đất sét; sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác	C2391, C2392, C2393
9	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (không bao gồm ngành sản xuất vũ khí và đạn dược, ngành chỉ có xi mạ)	C25
10	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và các sản phẩm quang học	C26
11	Sản xuất thiết bị điện (không bao gồm ngành sản xuất pin và ắc quy)	C27
12	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
13	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
14	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
15	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (chỉ bao gồm sản xuất các sản phẩm từ gỗ)	C31
16	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H521

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

#### 2.1.1. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Tác động do chuyển đổi mục đích sử dụng trên diện tích 44,682 ha để thực hiện Dự án, trong đó chủ yếu là đất lúa (chiếm 86,19%), còn lại là diện tích đất trồng cây hàng năm, đất kênh mương, đất nghĩa trang, đất giao thông.

- Tác động do hoạt động phát quang thảm thực vật và phá bỏ các công trình kiến trúc trong quá trình giải phóng mặt bằng.

- Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng Dự án.

#### 2.1.2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu hành chính dịch vụ, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ khu hành chính dịch vụ và các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp.

#### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

##### 2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng ước tính khoảng 9,5 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform,...

- Nước thải từ quá trình thi công xây dựng ước tính khoảng 12 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

##### 2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn vận hành:

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh của Dự án trong giai đoạn vận hành khoảng 2.424,29 m<sup>3</sup>/ngày kèm với các thông số ô nhiễm chính gồm: TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P, amoni, coliform,...

#### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

##### 2.3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới, từ quá trình đào đắp xây dựng các hạng mục công trình, từ hoạt động trải thảm nền bê tông nhựa nóng, từ hoạt động lưu giữ đất hữu cơ bóc tách với thành phần chủ yếu: bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>,...

##### 2.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành:

Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp tại Dự án có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư, các thông số ô nhiễm chính

gồm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 76 kg/ngày. Thành phần: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn xây dựng khoảng 2.335 tấn/tổng thời gian xây dựng. Thành phần: bê tông, gạch, đá, cát, vụn nguyên liệu,...

2.4.2. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 3,5 tấn/ngày. Thành phần: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 4,45 tấn/ngày; thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Một số loại chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm: sản phẩm không đạt, bao bì, carton, các vật liệu thải bỏ,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại khoảng 292,2 kg/tháng, bao gồm: giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải,...

2.5.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp khoảng 1,0 tấn/ngày; thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Bao gồm: dầu nhớt thải, bao bì/thùng đựng dung môi pha sơn, giẻ lau dính dầu thải, bùn thải sau quá trình xử lý nước thải,...

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

3.1. Về thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí các nhà vệ sinh di động tại công trường; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo thực tế phát sinh theo đúng quy định.

- Bố trí bể lắng tại các khu vực phát sinh nước thải xây dựng để lắng cặn và lọc dầu mỡ trước khi xả ra môi trường.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Hệ thống thoát nước mưa của Dự án: toàn bộ nước mưa sẽ được thu gom bằng các hố ga thu nước mưa dọc các tuyến đường nội bộ, chảy theo mạng lưới cống thoát nước mưa bằng rãnh gạch xây tại các tuyến đường, qua đường dùng

công hợp bê tông cốt thép và thoát ra ngoài môi trường qua kênh C9.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án được chia thành 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Dự án chuyển giao nước thải sang Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu để xử lý khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu chưa đạt tới công suất 90% (bao gồm cả nước thải phát sinh từ Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu và nước thải tiếp nhận thêm từ Dự án). Giai đoạn này toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom về bể trung chuyển nước thải và chuyển giao cho Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường.

Giai đoạn 2: Dự án tự thu gom và xử lý nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu đạt tới công suất 90% (bao gồm cả nước thải phát sinh từ Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu và nước thải tiếp nhận thêm từ Dự án). Giai đoạn này, toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường. Cụ thể như sau:

+ Mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với nước mưa, gồm các tuyến ống HDPE kết hợp với hệ thống bơm chuyển bậc để dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung cùng với nước thải công nghiệp. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án: Nước thải đầu vào → bể gom → bể điều hòa → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể anoxic → bể MBBR 1,2,3 → bể trung gian → bể lắng sinh học → bể khử trùng → mương quan trắc → xả ra môi trường.

### 3.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và thi công phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái xung quanh trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát

nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ( $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ) trước khi xả ra kênh C9. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra kênh C9 (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amonia.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Quy định cụ thể đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp về việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng quy định.

- Trường hợp chuyển giao nước thải từ Dự án về Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu để xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

#### 3.2.2. Giai đoạn vận hành:



- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất Khu công nghiệp; đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng quy định.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Khu công nghiệp.

### 3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

- Chất thải rắn sinh hoạt tại công trường được thu gom và lưu giữ trong các thùng chứa rác; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Các loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom và bán cho tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu.

- + Các loại chất thải rắn như đất, đá, vật liệu xây dựng,...được thu gom và sử dụng để san lấp mặt bằng khu vực Dự án.

- + Các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa rác; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

#### 3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp do các chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu hành chính, trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp do Chủ dự án thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải rắn thông thường và ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận

chuyên và xử lý theo đúng quy định.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các các quy định khác có liên quan.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh vào các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp do các chủ đầu tư này tự hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khu hành chính và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp do Chủ dự án thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại và ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

3.5.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN

27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất Khu công nghiệp theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh trong Khu công nghiệp song song với quá trình thi công xây dựng.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung:

- Xây dựng và vận hành hồ sự cố với dung tích 6.000 m<sup>3</sup> có thành và đáy lót bằng màng chống thấm HDPE; trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung để kiểm tra. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ( $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ) trước khi xả ra kênh C9.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải: Các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

3.6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

3.6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

3.6.5. Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn

cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định.

3.6.6. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

- Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa;
- Mạng lưới thu gom, thoát nước thải;
- Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích khoảng 20 m<sup>2</sup>;
- Kho lưu chứa chất thải rắn nguy hại diện tích khoảng 29 m<sup>2</sup>;
- Nhà phơi bùn diện tích khoảng 172 m<sup>2</sup>.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Hồ sự cố có dung tích 6.000 m<sup>3</sup>.

Trong giai đoạn chuyển giao nước thải từ Dự án về Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu, danh mục công trình bảo vệ môi trường của Dự án không có hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và hồ sự cố dung tích 6.000 m<sup>3</sup>.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:**

##### 5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

##### 5.1.1. Chương trình giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm cách Dự án khoảng 100 m cuối hướng gió về phía Bắc và 01 vị trí tại khu vực tập trung máy móc, thiết bị thi công.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

##### 5.1.2. Chương trình giám sát nước mặt:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả thải ra kênh C9.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N, NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P, dầu mỡ, coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

### 5.1.3. Chương trình giám sát nước thải sinh hoạt:

Không thực hiện giám sát nước thải sinh hoạt do nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý (không xả thải).

### 5.1.4. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## 5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

### 5.2.1. Chương trình giám sát nước thải:

- Tần suất, vị trí và thông số giám sát: theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ .

### 5.2.2. Chương trình giám sát bùn thải:

- Tần suất, vị trí và thông số giám sát: theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

### 5.2.3. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại loại một sao thực hiện phân định theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

## 5.3. Giai đoạn vận hành:

5.3.1. Chương trình giám sát nước thải (chỉ áp dụng trong giai đoạn Dự án tự thu gom, xử lý nước thải):

- Giám sát nước thải tự động, liên tục:

+ Vị trí giám sát: Nước thải sau xử lý trước khi xả ra kênh C9.

+ Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.

+ Thông số giám sát: lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amonia.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ .

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: Nước thải sau xử lý trước khi xả ra kênh C9.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Tất cả các thông số theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã giám sát tự động).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ .

5.3.2. Chương trình giám sát bùn thải (chỉ áp dụng trong giai đoạn Dự án tự thu gom, xử lý nước thải):

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nhà chứa bùn của trạm xử lý nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: As, Ba, Ag, Cd, Pb, Co, Zn, Ni, Se, Hg,  $Cr^{6+}$ , tổng xyanua, tổng dầu mỡ khoáng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.3.3. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các nội dung sau:

6.1. Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.2. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

6.4. Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3 Phụ lục này; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải đối với các dự án đầu tư thứ cấp vào Dự án.

6.5. Chỉ được phép chuyển giao nước thải của Dự án sang Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu khi đáp ứng các quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.7. Xây dựng, vận hành hệ thống hồ ứng phó sự cố nước thải có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6.8. Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.9. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.10. Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng phải thực hiện các thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

6.12. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.13. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.14. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.